



Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016
(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 0100109385

ngày 8 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Sơn
Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh
Ông Trần Anh Vương
Bà Nguyễn Hồng Nhung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Xuân Hân
Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (*từ ngày 16/2/2017*)

Trụ sở đăng ký

12 Phố Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn;
- (c) Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam (“Công ty SSV”), một công ty liên kết của Tổng Công ty là thành viên của tập đoàn Sanofi quốc tế, cổ phiếu của công ty Sanofi được niêm yết trên thị trường chứng khoán NewYork (NYSE). Theo chính sách chung của tập đoàn, Công ty SSV được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên của Tổng Công ty, Công ty SSV không có kế hoạch thực hiện soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, tuy nhiên với kinh nghiệm và uy tín tại Việt Nam cũng như Quốc tế của Công ty SSV, Tổng Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập và trình bày trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 08-09-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ những giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ - Số liệu của công ty liên kết, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Số liệu của công ty liên kết

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam, một công ty liên kết của Tổng Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 279.325 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (8/12/2016: 219.244 triệu VND). Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam là 60.081 triệu VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và số dư đầu kỳ có liên quan cũng như phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh về thông tin so sánh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mô tả việc thông tin so sánh được trình bày tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh hồi tố. Vấn đề này không liên quan đến việc chúng tôi đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ ở trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính đó về việc khoản đầu tư vào Công ty TNHH Codupha Lào (một công ty con của Tổng Công ty) đang được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất và về việc các khoản chênh lệch khi thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và giá trị lợi ích nhận được từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC liên quan đến dự án Tổ hợp thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVC – Vinapharm tại địa điểm 60B Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội chưa được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, trong báo cáo kiểm toán ngày 22 tháng 4 năm 2017.

Trong quá trình soát xét báo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng để điều chỉnh lại các số dư tại ngày 8 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục soát xét được áp dụng đối với các điều chỉnh hồi tố trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận hay bất cứ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là không phù hợp hay không được áp dụng đúng đắn.

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, hay bất cứ thuyết minh có liên quan nào và do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về các báo cáo này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-122-SX-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2017

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.301.530.043.228	4.669.936.726.747
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	533.779.190.764	952.810.035.017
Tiền	111		167.999.190.764	144.410.035.017
Các khoản tương đương tiền	112		365.780.000.000	808.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.770.312.461	282.970.312.461
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	24.770.312.461	24.770.312.461
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	32.000.000.000	258.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.240.697.999.377	2.102.666.099.142
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.788.079.149.478	1.663.924.369.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.666.488.623	20.375.717.867
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	410.785.066.521	424.600.399.181
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(2.832.705.245)	(6.234.387.804)
Hàng tồn kho	140	13	1.426.738.703.794	1.295.455.766.752
Hàng tồn kho	141		1.427.329.463.521	1.295.455.766.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(590.759.727)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		43.543.836.832	36.034.513.375
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.233.732.444	2.280.722.607
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.831.891.983	27.609.470.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.478.212.405	6.144.319.843

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.858.192.302.650	1.638.080.675.559
Các khoản phải thu dài hạn	210		174.147.128	215.219.328
Phải thu dài hạn khác	216		174.147.128	215.219.328
Tài sản cố định	220		191.637.396.965	266.996.866.500
Tài sản cố định hữu hình	221	14	152.422.091.991	180.288.318.637
Nguyên giá	222		399.508.691.935	427.284.233.499
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(247.086.599.944)	(246.995.914.862)
Tài sản cố định vô hình	227	15	39.215.304.974	86.708.547.863
Nguyên giá	228		42.682.894.348	90.175.702.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.467.589.374)	(3.467.154.374)
Tài sản dở dang dài hạn	240		134.460.489.623	89.063.757.451
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	134.460.489.623	89.063.757.451
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(c)	1.392.299.411.931	1.212.791.835.312
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		781.349.269.751	664.197.209.855
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		616.068.554.569	548.594.625.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.118.412.389)	-
Tài sản dài hạn khác	260		139.620.857.003	69.012.996.968
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	139.620.857.003	69.012.996.968
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.159.722.345.878	6.308.017.402.306
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.762.462.624.863	4.043.676.433.480
Nợ ngắn hạn	310		3.712.552.380.415	3.988.526.089.032
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.649.088.137.698	1.549.398.100.132
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		93.747.054.599	75.131.051.902
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	3.179.062.240	168.831.657.934
Phải trả người lao động	314		19.425.198.447	13.072.168.458
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	10.934.963.511	19.635.507.920
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.120.366.572	210.261.163
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	580.104.989.674	956.115.836.156
Vay ngắn hạn	320	23(a)	1.347.447.068.441	1.198.563.649.460
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		171.938.479	7.567.855.907

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Nợ dài hạn	330		49.910.244.448	55.150.344.448
Phải trả dài hạn khác	337		165.025.842	205.125.842
Vay dài hạn	338	23(b)	48.200.000.000	53.400.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.397.259.721.015	2.264.340.968.826
Vốn chủ sở hữu	410	24	2.397.259.721.015	2.264.340.968.826
Vốn cổ phần	411	25	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		142.827.862	108.445.585
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(596.850.707.086)	(615.304.204.394)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		3.731.113.853	3.582.196.520
Quỹ đầu tư phát triển	418		134.543.418.084	132.865.899.521
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.587.844.611	299.592.592
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		327.031.223.993	218.915.045.383
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		207.783.027.450	73.013.279.673
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		119.248.196.543	145.901.765.710
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		156.073.999.698	153.873.993.619
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.159.722.345.878	6.308.017.402.306

08-09-2017

Người lập


Nguyễn Hồng Thúy
Người lập


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt


Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc


Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.387.880.976.842	3.185.691.562.661
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	16.087.367.032	67.589.128.350
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.371.793.609.810	3.118.102.434.311
Giá vốn hàng bán	11	28	3.053.301.629.558	2.850.381.886.134
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		318.491.980.252	267.720.548.177
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	29.822.430.064	43.360.744.822
Chi phí tài chính	22	30	77.853.382.369	43.662.471.248
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.624.527.468	34.242.703.443
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		94.382.506.456	73.383.050.873
Chi phí bán hàng	25	31	176.219.549.899	148.041.454.752
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	52.291.587.568	63.828.965.660
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		136.332.396.936	128.931.452.212
Thu nhập khác	31		8.145.192.114	6.214.285.632
Chi phí khác	32		1.909.761.171	728.312.068
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.235.430.943	5.485.973.564
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		142.567.827.879	134.417.425.776
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	9.657.250.579	10.151.438.929
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		132.910.577.300	124.265.986.847

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		132.910.577.300	124.265.986.847
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		119.248.196.543	113.041.840.432
Cổ đông không kiểm soát	62		13.662.380.757	11.224.146.415
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	503	(*)

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 do giai đoạn đó thuộc về Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV.

08-09-2017



Nguyễn Hồng Thúy
Người lập

Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt



Đinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016

(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	142.567.827.879	134.417.425.776
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	23.887.696.877	13.443.527.930
Các khoản dự phòng	03	2.307.489.557	682.816.540
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	12.774.230.155	(93.966.790)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(107.114.731.158)	(105.782.677.198)
Chi phí lãi vay	06	38.624.527.468	34.242.703.443
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	113.047.040.778	76.909.829.701
Biến động các khoản phải thu	09	(164.369.570.596)	(211.492.010.269)
Biến động hàng tồn kho	10	(135.599.887.243)	26.605.430.733
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	178.000.012.507	443.927.720.659
Biến động chi phí trả trước	12	(1.553.168.926)	390.578.290
		(10.475.573.480)	336.341.549.114
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.639.909.768)	(30.211.521.985)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.199.872.338)	(13.768.795.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	21.302.733.635	616.002.252
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(607.925.950.627)	(67.200.423.128)
<i>Trong đó: Chuyển tiền cho Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp</i>		<i>(600.000.000.000)</i>	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(647.938.572.578)	225.776.810.261
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(76.391.322.671)	(7.619.515.670)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.817.900.000	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(32.000.000.000)	(50.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	258.200.000.000	394.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(104.469.534.000)	(7.245.293.084)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	34.624.386.300
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	47.908.126.422	53.347.917.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	96.065.169.751	417.907.495.308

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016****(ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	3.298.753.084
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(178.438.800)	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.232.102.220.711	2.002.909.108.097
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.088.418.801.730)	(1.889.954.076.905)
Tiền trả cổ tức	36	(10.650.940.000)	(1.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	132.854.040.181	115.203.784.276
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(419.019.362.646)	758.888.089.845
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	952.810.035.017	627.846.574.089
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.481.607)	213.041.118
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	533.779.190.764	1.386.947.705.052

08-09-2017

Người lập

Nguyễn Hồng Thúy
Người lậpTrần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2010 sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, các ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chất phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 8 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 4 công ty con như sau:

	Địa chỉ	30/6/2017 và 8/12/2016	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	65,41%	65,41%
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Đà Nẵng TP Hồ	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Chí Minh	66,35%	66,35%
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào	Viêng Chăn - Lào	62,17%	93,70%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 8 công ty liên kết (8/12/2016: 10 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(c)(i).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 1.211 nhân viên (8/12/2016: 1.220 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tổng Công ty và của các công ty con đã cổ phần hóa phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tổng Công ty và của các công ty con đã cổ phần hóa phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá và được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khi Tổng Công ty và các công ty con chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tổng Công ty và các công ty con chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tổng Công ty và của các công ty con đã cổ phần hóa phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của các công ty con chưa cổ phần hóa

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tổng Công ty và của các công ty con đã cổ phần hóa phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của các công ty con chưa cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh hoặc của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty và các công ty con được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	10 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không được phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Tổng Công ty và các công ty con được các bên hữu quan phê duyệt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty và các công ty con và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng từ 33 đến 45 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty được hưởng lợi nhuận cố định được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và tỷ lệ lợi tức áp dụng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là dược phẩm.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chỉ hoạt động tại Việt Nam và Lào, trong đó kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận hoạt động tại Lào không trọng yếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới là các công ty liên kết của Tổng Công ty.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban Giám đốc các công ty con thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016 (ngày trước thời điểm chuyển thành công ty cổ phần).

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tiền mặt	9.968.663.167	10.215.664.972
Tiền gửi ngân hàng	158.030.527.597	134.194.370.045
Các khoản tương đương tiền	365.780.000.000	808.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	533.779.190.764	952.810.035.017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tiền gửi ngân hàng có giá trị 2.528 triệu VND (8/12/2016: Không có) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/6/2017 và 8/12/2016		Dự phòng giảm giá
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.820	2.384.307.722	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	75.000	971.029.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV Pharm	16.000	300.659.375	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.000	472.871.724	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	(*)	-
		24.770.312.461	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản chứng khoán kinh doanh này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá gốc.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2017		8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	32.000.000.000	258.200.000.000	258.200.000.000

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2017	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
				Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND				Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (**)	Đồng Tháp	22,87%	22,87%	290.385.157.476	624.234.146.500	23,75%	23,75%	183.519.110.159	391.843.479.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	279.324.630.621	(***)	30,00%	30,00%	219.244.313.939	(***)
• Công ty Cổ phần Dược Danapha	Đà Nẵng	29,86%	29,86%	108.208.228.475	(***)	29,86%	29,86%	85.294.017.315	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	TP Hồ Chí Minh	28,43%	28,43%	43.649.879.684	(***)	28,43%	28,43%	42.555.992.793	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (**)	Hải Phòng	24,82%	24,82%	35.514.436.533	66.740.545.900	24,82%	24,82%	31.458.180.034	47.924.943.200
• Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Hà Nội	42,38%	42,38%	16.529.213.108	(***)	43,65%	43,65%	16.000.712.098	(***)
• Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	Đà Nẵng	25,00%	25,00%	4.217.315.190	(***)	25,00%	25,00%	4.212.235.248	(***)
• Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	19,91%	30,00%	3.520.408.664	(***)	19,91%	30,00%	3.520.408.664	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (*)	Hà Nội	-	-	-	-	31,67%	31,67%	66.005.458.179	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (*)	Hà Nội	-	-	-	-	27,13%	27,13%	12.386.781.426	(***)
				781.349.269.751	(***)			664.197.209.855	(***)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2017			8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	TP Hồ Chí Minh	18,17%	169.253.901.942	-	(***)	18,17%	173.539.167.663	-	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (**)	TP Hồ Chí Minh	14,08%	139.177.606.438	-	188.464.185.000	14,08%	142.506.000.000	-	142.506.000.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (*)	TP Hồ Chí Minh	14,25%	69.305.080.876	-	(***)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (**)	TP Hồ Chí Minh	10,23%	48.974.823.000	(3.317.649.300)	45.657.173.700	13,23%	48.974.823.000	-	48.974.823.000
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	TP Hồ Chí Minh	14,29%	47.925.759.865	-	(***)	14,29%	51.338.121.640	-	(***)
• Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TP Hồ Chí Minh	16,84%	37.651.093.375	-	(***)	17,68%	39.534.534.471	-	(***)
• Công ty Cổ phần Bao bì Dược	TP Hồ Chí Minh	15,00%	12.042.810.970	-	(***)	15,00%	12.042.810.970	-	(***)
• Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Hà Nội	11,37%	12.945.633.092	-	(***)	11,37%	12.945.633.092	-	(***)
• Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (*)	Hà Nội	6,78%	11.861.708.288	-	(***)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương	TP Hồ Chí Minh	5,86%	29.000.000.000	-	(***)	5,86%	29.000.000.000	-	(***)
• Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	10,52%	19.808.598.673	-	(***)	10,52%	19.948.735.660	-	(***)
Các khoản đầu tư khác			18.121.538.050	(1.800.763.089)	(***)		18.764.798.961	-	(***)
			616.068.554.569	(5.118.412.389)	(***)		548.594.625.457	-	(***)

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty này xuống còn tương ứng là 14,25% và 6,78%. Theo đó, các khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu các công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của các cổ phiếu của công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.
- (***) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Bệnh viện K	64.831.556.384	21.683.096.199
Bệnh viện Bạch Mai	63.878.570.394	59.470.377.275
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	59.484.011.759	26.410.142.191
Công ty TNHH Thiết bị y tế Thành Công	51.339.783.632	49.417.794.932
Bệnh viện Chợ Rẫy	45.467.369.215	55.737.227.531
Bệnh viện Trung ương Huế	37.630.367.081	29.627.461.578
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bạch Niên	33.966.223.245	33.783.208.237
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	33.125.201.665	2.425.509.950
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	32.214.656.384	36.094.517.499
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	28.785.324.372	18.259.483.372
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội	20.616.380.012	21.528.137.990
Bệnh viện Tim Hà Nội	20.342.084.987	25.907.917.217
Khách hàng khác	1.296.397.620.348	1.283.579.495.927
	1.788.079.149.478	1.663.924.369.898

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong phải thu ngắn hạn của khách hàng có số dư từ bên liên quan như sau:

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	-	469.140.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị 385.856 triệu VND (8/12/2016: 359.693 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	62.000.000.000	140.000.000.000
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.076.200.000	16.514.286.754
Phải thu về cổ tức	2.533.927.164	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.275.103.222	6.742.228.889
Phải thu các khoản tạm ứng	5.406.375.552	3.738.623.242
Phải thu về cổ phần hóa	-	21.302.733.635
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	266.200.566.751	157.043.067.246
Hỗ trợ bán hàng và giảm giá hàng mua	38.518.110.430	14.455.372.637
Ký cược, ký quỹ	9.904.325.402	12.133.312.535
Phải thu khác	16.870.458.000	52.670.774.243
	410.785.066.521	424.600.399.181

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đây là giá trị vốn góp vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các bên như sau:

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	-	50.000.000.000
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	40.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Medipharco	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	2.000.000.000	10.000.000.000
	62.000.000.000	140.000.000.000

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này hưởng lợi nhuận cố định là 6% (giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 – chưa soát xét: 6%) một năm.

Ngoài các khoản phải thu khác về hợp đồng hợp tác kinh doanh, Tổng Công ty và các công ty con còn có các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	300.000.000	7.380.743.151
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	756.000.000	-
	1.056.000.000	7.380.743.151

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan này không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			Số ngày quá hạn	8/12/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Phương Nam - Phòng khám Đa Khoa Phương Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	1.819.999.545	(545.999.864)	1.273.999.681	Từ 6 tháng đến 1 năm	3.303.999.174	(991.199.752)	2.312.799.422
Công ty TNHH Dược phẩm & Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.597.331.218	(254.520.000)	1.342.811.218	Dưới 6 tháng	-	-	-
Công ty Cổ Phần Y tế Tâm Phúc	Từ 1 năm đến 3 năm	181.874.969	(132.244.116)	49.630.853	Từ 6 tháng đến 3 năm	181.874.969	(111.970.821)	69.904.148
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Từ 6 tháng đến 1 năm	395.577.000	(118.673.100)	276.903.900	Dưới 6 tháng	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.352.750.244	(109.939.875)	2.242.810.369	Dưới 6 tháng	-	-	-
Khác	Từ 1 năm đến 3 năm	7.459.621.068	(1.671.328.290)	5.788.292.778	Từ 6 tháng đến 2 năm	12.291.136.956	(5.131.217.231)	7.159.919.725
		13.807.154.044	(2.832.705.245)	10.974.448.799		15.777.011.099	(6.234.387.804)	9.542.623.295
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(2.832.705.245)</u>				<u>(6.234.387.804)</u>	

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017		8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	90.069.586.123	-	9.694.211.488	-
Nguyên vật liệu	47.598.011.717	-	44.366.210.675	-
Công cụ và dụng cụ	119.319.091	-	208.544.544	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.916.833.507	-	12.547.208.104	-
Thành phẩm	19.487.797.728	-	19.856.095.800	-
Hàng hóa	1.257.137.915.355	(590.759.727)	1.208.783.496.141	-
	1.427.329.463.521	(590.759.727)	1.295.455.766.752	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 591 triệu VND (8/12/2016: Không có) hàng hóa chậm luân chuyển.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 767.300 triệu VND (8/12/2016: 675.140 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	262.254.398.634	96.449.150.644	51.126.226.902	6.328.585.494	11.125.871.825	427.284.233.499
Tăng trong kỳ	918.008.081	363.578.591	2.240.614.619	857.922.500	117.552.402	4.497.676.193
Chuyển (sang)/từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(13.928.238.743)	-	944.618.182	-	-	(12.983.620.561)
Chuyển từ hàng tồn kho	-	3.726.190.474	-	-	-	3.726.190.474
Thanh lý	(18.348.720.870)	(4.528.102.000)	(138.964.800)	-	-	(23.015.787.670)
Số dư cuối kỳ	230.895.447.102	96.010.817.709	54.172.494.903	7.186.507.994	11.243.424.227	399.508.691.935

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	150.394.595.472	49.514.435.121	34.774.870.368	4.611.923.525	7.700.090.376	246.995.914.862
Khấu hao trong kỳ	9.498.486.057	4.197.388.664	2.570.491.235	441.659.836	260.891.503	16.968.917.295
Thanh lý	(14.012.250.855)	(2.865.981.358)	-	-	-	(16.878.232.213)
Số dư cuối kỳ	145.880.830.674	50.845.842.427	37.345.361.603	5.053.583.361	7.960.981.879	247.086.599.944
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	111.859.803.162	46.934.715.523	16.351.356.534	1.716.661.969	3.425.781.449	180.288.318.637
Số dư cuối kỳ	85.014.616.428	45.164.975.282	16.827.133.300	2.132.924.633	3.282.442.348	152.422.091.991

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 39.706 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (8/12/2016: 32.319 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.323 triệu VND (8/12/2016: 58.819 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của công ty con.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	86.313.494.414	1.160.994.623	2.701.213.200	90.175.702.237
Tăng trong kỳ	1.699.796.931	4.081.551	-	1.703.878.482
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.196.686.371)	-	-	(49.196.686.371)
Số dư cuối kỳ	38.816.604.974	1.165.076.174	2.701.213.200	42.682.894.348
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	4.785.000	761.156.174	2.701.213.200	3.467.154.374
Khấu hao trong kỳ	435.000	-	-	435.000
Số dư cuối kỳ	5.220.000	761.156.174	2.701.213.200	3.467.589.374
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	86.308.709.414	399.838.449	-	86.708.547.863
Số dư cuối kỳ	38.811.384.974	403.920.000	-	39.215.304.974

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.292 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (8/12/2016: 3.292 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không có tài sản cố định vô hình nào được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (8/12/2016: 47.497 triệu VND).

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	89.063.757.451	43.708.466.683
Tăng trong kỳ	34.458.087.020	7.569.515.670
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	13.928.238.743	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(944.618.182)	-
Xóa sổ	(2.044.975.409)	(45.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	134.460.489.623	51.232.982.353

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án 60B Nguyễn Huy Tường, Hà Nội (*)	60.170.709.971	60.170.709.971
Công trình Văn phòng tại số 87 Nguyễn Văn Trỗi, Hà Nội	32.353.496.037	16.975.963.247
Sửa chữa kho Lê Minh Xuân	30.481.704.740	589.600.000
Cải tạo Trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại số 12 Ngô Tất Tố, Hà Nội	8.425.720.177	7.293.460.177
Dự án Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty tại 178 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh	975.342.242	975.342.242
Công trình khác	2.053.516.456	3.058.681.814
	<hr/>	<hr/>
	134.460.489.623	89.063.757.451

(*) Giá trị lợi ích nhận từ Dự án 60B Nguyễn Huy Tường được ước tính dựa trên cơ sở giá trị nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phát triển Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm tại địa chỉ 60B Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 393/HTĐT/2010 ngày 7 tháng 7 năm 2010 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC. Giá trị này đã được phê duyệt trong các văn bản quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 13.202 triệu VND (8/12/2016: 13.202 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	56.855.877.391	4.108.425.994	6.378.472.326	1.670.221.257	69.012.996.968
Tăng trong kỳ	-	28.729.359.157	1.780.909.642	1.782.485.632	32.292.754.431
Chuyển sang từ tài sản cố định vô hình	-	49.196.686.371	-	-	49.196.686.371
Phân bổ trong kỳ	(6.152.146.107)	(766.198.475)	(3.027.434.273)	(935.801.912)	(10.881.580.767)
Số dư cuối kỳ	50.703.731.284	81.268.273.047	5.131.947.695	2.516.904.977	139.620.857.003

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 47.798 triệu VND (8/12/2016: Không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2017		8/12/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.118.412.389	1.023.682.478	-	-
Lỗi tính thuế	1.252.001.855	250.400.371	-	-
	6.370.414.244	1.274.082.849	-	-

Lỗi tính thuế chưa được quyết toán và hết hiệu lực vào năm 2022. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND
		Đã điều chỉnh lại
Octapharma AG	103.631.704.757	-
Hyphens Pharma Pte. Ltd	76.971.877.031	26.981.035.567
JW Pharmaceutical Corporation	72.850.308.399	79.249.045.980
APC Pharmaceuticals and Chemical Limited	53.591.444.218	59.804.829.443
Công ty Cổ phần Otsuka OPV	53.048.769.429	31.154.903.469
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	42.840.066.488	37.795.591.883
EVER Neuro Pharma GmbH	39.361.450.513	44.859.956.175
Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd	33.201.324.084	36.878.633.869
Các nhà cung cấp khác	1.173.591.192.779	1.232.674.103.746
	1.649.088.137.698	1.549.398.100.132

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong phải trả người bán ngắn hạn có số dư từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha	3.325.029.723	2.578.978.573
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	131.250.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	53.055.030	53.055.030
	<hr/>	<hr/>
	3.509.334.753	2.632.033.603

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	8/12/2016	Số phải nộp	Số đã nộp/	30/6/2017
	VND	trong kỳ	khấu trừ	VND
	Đã điều chỉnh lại	VND	trong kỳ	VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	4.824.433.723	162.556.145.064	(167.226.346.945)	154.231.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.281.190.706	9.657.250.579	(12.199.872.338)	1.738.568.947
Thuế thu nhập cá nhân	1.091.773.123	2.090.016.122	(2.799.904.115)	381.885.130
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	839.877.614	13.674.660.258	(13.611.198.723)	903.339.149
Thuế khác	813.815.618	1.968.784.235	(2.781.562.681)	1.037.172
Các khoản phải nộp khác				
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	156.980.567.150	-	(156.980.567.150)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	168.831.657.934	189.946.856.258	(355.599.451.952)	3.179.062.240

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi phải trả cho cổ đông	10.319.042.098	10.452.055.606
Chi phí lãi vay	23.553.436	38.935.736
Chi phí xây dựng cơ bản	-	7.002.321.819
Chi phí phải trả khác	592.367.977	2.142.194.759
	<hr/> 10.934.963.511	<hr/> 19.635.507.920 <hr/>

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	34.909.623.282	634.909.623.282
Cổ tức nhận trước	32.513.310.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	9.152.829.783	12.503.430.869
Hỗ trợ di dời nhận được	84.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả hàng ủy thác	397.370.001.902	179.974.928.870
Chi phí phải trả khác	22.159.224.707	88.727.853.135
	<hr/> 580.104.989.674	<hr/> 956.115.836.156 <hr/>

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	8/12/2016 – Đã điều chỉnh lại		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.198.563.649.460	1.198.563.649.460	2.232.102.220.711	(2.088.418.801.730)	1.342.247.068.441	1.342.247.068.441
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	-	5.200.000.000	-	5.200.000.000	5.200.000.000
	<u>1.198.563.649.460</u>	<u>1.198.563.649.460</u>	<u>2.237.302.220.711</u>	<u>(2.088.418.801.730)</u>	<u>1.347.447.068.441</u>	<u>1.347.447.068.441</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	8/12/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	5,0% - 5,2%	271.541.435.547	218.572.796.172
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội	VND	5,0% - 5,2%	227.105.176.900	96.507.909.634
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	5,0% - 5,2%	205.781.084.569	144.419.295.245
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn	VND	5,0%	148.007.377.216	159.138.903.971
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	VND	4,9% - 5,1%	144.121.323.970	76.839.249.275
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	5,2%	53.497.703.989	61.850.202.447
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	VND	5,2%	49.171.389.062	49.054.104.251
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I	VND	5,4% - 5,5%	40.173.506.734	43.822.407.913
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	VND	4,9% - 5,1%	38.944.339.530	15.136.337.122
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	4,9% - 5,1%	30.252.728.583	40.910.827.328
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	5,5% - 5,6%	14.780.049.133	36.517.215.720
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	USD	2,0%	14.534.763.880	35.446.440.386
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi	VND	5,1%	-	26.318.298.245
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	VND	5,1%	-	49.328.977.292
Các khoản vay khác	VND	5,0% - 5,5%	37.477.733.305	69.117.458.215
Vay cá nhân	VND	6,0% - 12,0%	66.858.456.023	75.583.226.244
			1.342.247.068.441	1.198.563.649.460

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tổng cộng là 1.205.007 triệu VND (8/12/2016: 1.093.652 triệu VND).

Các khoản vay cá nhân là các khoản vay tín chấp.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
				30/6/2017 VND	8/12/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	8,3%	2017 - 2021	24.400.000.000	24.400.000.000
	VND	0%	2019	29.000.000.000	29.000.000.000
				53.400.000.000	53.400.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5.200.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				48.200.000.000	53.400.000.000

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng chi phí trả trước dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 61.000 triệu VND (8/12/2016: 60.699 triệu VND).

Khoản vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm là khoản vay tín chấp.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – chưa soát xét	449.174.284.089	-	834.128.802.838	-	628.608.137.377	669.615.012.991	-	906.732.027.974	30.164.061.476	3.518.422.326.745
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	-	-	-	-	-	113.041.840.432	11.224.146.415	124.265.986.847
Phân bổ vào các quỹ - chưa soát xét	-	-	-	-	41.616.609.961	2.438.087.110	463.563.000	(44.518.260.071)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi – chưa soát xét	-	-	-	-	-	-	-	(2.965.612.756)	(1.464.799.818)	(4.430.412.574)
Nộp lợi nhuận vào Ngân sách Nhà nước – chưa soát xét	-	-	-	-	-	-	-	(63.531.302.473)	(391.461)	(63.531.693.934)
Biến động cổ phiếu quỹ – chưa soát xét	-	-	-	-	-	-	-	-	(190.400.000)	(190.400.000)
Cổ tức – chưa soát xét	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.661.899.430)	(4.661.899.430)
Biến động khác – chưa soát xét	520.669.693	-	-	-	-	44.452.252	-	(621.690.584)	(25.802.094)	(82.370.733)
Số dư tại ngày 30/6/2016 – chưa soát xét	449.694.953.782	-	834.128.802.838	-	670.224.747.338	672.097.552.353	463.563.000	908.137.002.522	35.044.915.088	3.569.791.536.921

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 8/12/2016 – đã điều chỉnh lại	2.370.000.000.000	108.445.585	(615.304.204.394)	3.582.196.520	132.865.899.521	-	299.592.592	218.915.045.383	153.873.993.619	2.264.340.968.826
Số dư tại ngày 8/12/2016 – đã báo cáo trước đây	449.745.834.089	-	894.128.802.838	-	587.742.361.917	723.817.704.455	-	831.831.108.493	183.485.169.908	3.670.750.981.700
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 38)	1.920.254.165.911	108.445.585	(1.509.433.007.232)	3.582.196.520	(454.876.462.396)	(723.817.704.455)	299.592.592	(612.916.063.110)	(29.611.176.289)	(1.406.410.012.874)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	119.248.196.543	13.662.380.757	132.910.577.300
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	6.735.062.862	-	2.356.063.111	(9.091.125.973)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.221.536.807)	(642.097.146)	(1.863.633.953)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.650.940.000)	(10.650.940.000)
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(178.438.800)	(178.438.800)
Biến động khác	-	34.382.277	18.453.497.308	148.917.333	(5.057.544.299)	-	(67.811.092)	(819.355.153)	9.101.268	12.701.187.642
Số dư tại ngày 30/6/2017	2.370.000.000.000	142.827.862	(596.850.707.086)	3.731.113.853	134.543.418.084	-	2.587.844.611	327.031.223.993	156.073.999.698	2.397.259.721.015

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) là:

	30/6/2017 và 8/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	237.000.000	2.370.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	2.370.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	154.050.000	1.540.500.000.000	65%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	40.290.000	402.900.000.000	17%
Các cổ đông khác	42.660.000	426.600.000.000	18%
	237.000.000	2.370.000.000.000	100%

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2017	8/12/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	105.748.741.279	112.461.061.103

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		8/12/2016 - Đã điều chỉnh lại	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	308.590	7.011.601.310	331.851	7.523.462.777
Euro (“EUR”)	7.283	174.028.250	43.130	1.035.554.217
Baht Thai (“THB”)	86.513	59.147.656	51.095	34.932.961
Kip Lào (“LAK”)	148.888.141	404.975.745	1.470.360.698	3.958.967.953
		7.649.752.961		12.552.917.908

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.357.137.287.523	3.161.772.139.563
▪ Cung cấp dịch vụ	27.939.418.087	21.226.051.878
▪ Hợp đồng hợp tác kinh doanh hưởng lợi nhuận cố định	2.804.271.232	2.693.371.220
	3.387.880.976.842	3.185.691.562.661
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(2.231.872.657)	(1.520.508.208)
▪ Giảm giá hàng bán	(24.657.461)	(1.740.524.148)
▪ Hàng bán bị trả lại	(13.830.836.914)	(61.005.566.707)
▪ Giảm trừ dịch vụ	-	(3.322.529.287)
	(16.087.367.032)	(67.589.128.350)
Doanh thu thuần	3.371.793.609.810	3.118.102.434.311

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Thành phẩm và hàng hoá đã bán	3.048.854.431.021	2.848.893.807.521
Dịch vụ đã cung ứng	4.447.198.537	1.488.078.613
	<hr/> 3.053.301.629.558	<hr/> 2.850.381.886.134

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.967.219.982	14.519.296.062
Cổ tức được chia	1.117.814.948	12.601.037.763
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu	11.820.638	5.279.292.500
Lãi bán hàng trả chậm	4.593.105.976	3.460.176.892
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.568.175.624	7.057.561.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	97.842.154	223.021.850
Doanh thu hoạt động tài chính khác	466.450.742	220.358.075
	<hr/> 29.822.430.064	<hr/> 43.360.744.822

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	38.624.527.468	34.242.703.443
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	5.118.412.389	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.244.895.095	8.292.807.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.676.388.001	129.055.060
Chi phí tài chính khác	1.189.159.416	997.904.929
	<hr/> 77.853.382.369	<hr/> 43.662.471.248

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	83.405.031.212	48.890.771.447
Chi phí vật liệu, bao bì	4.824.555.696	3.023.495.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.276.937.955	10.057.364.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.933.175.604	34.456.959.792
Chi phí bán hàng khác	35.779.849.432	51.612.863.956
	176.219.549.899	148.041.454.752

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	15.491.234.368	17.208.354.909
Chi phí dụng cụ quản lý	1.651.258.818	2.415.312.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.708.542.456	1.944.667.718
Thuế, phí và lệ phí	11.891.915.920	10.934.879.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.367.369.029	15.813.693.474
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.401.682.559)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.582.949.536	15.512.057.403
	52.291.587.568	63.828.965.660

33. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.169.673.482.114	1.198.167.748.957
Chi phí nguyên vật liệu	36.927.084.655	31.723.622.063
Chi phí nhân viên	96.140.204.660	60.044.056.771
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.887.696.877	13.443.527.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.877.983.609.201	1.530.480.308.992
Chi phí khác	54.382.725.456	105.282.164.187

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	9.657.250.579	10.151.438.929

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	142.567.827.879	134.417.425.776
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	28.513.565.576	26.883.485.155
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.221.426	481.758.006
Thu nhập không bị tính thuế	(1.390.541.940)	(2.495.610.414)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.274.082.849	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(20.049.460)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(18.764.077.332)	(14.698.144.358)
	9.657.250.579	10.151.438.929

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công Dược Việt Nam – CTCP và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND) (*)	119.248.196.543
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	237.000.000
	503

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tổng Công ty không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược Danapha		
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	50.000.000.000
Thu hồi vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.491.906.849	1.224.931.507
Cổ tức được chia	5.832.250.000	-
Đầu tư góp vốn	11.664.504.000	-
Thu tiền bán cổ phần	-	1.575.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25		
Cổ tức được chia	756.000.000	-
Doanh thu bán hàng	1.751.360.000	986.765.000

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 Cổ tức được chia	3.374.996.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam Cổ tức được chia	1.567.500.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm Cổ tức được chia	7.149.424.800	-
Đầu tư góp vốn	92.805.030.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị Thù lao	470.658.636	462.982.197
Thành viên Ban Kiểm soát Thù lao	295.822.364	355.527.121
Thành viên Ban Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	765.077.751	464.797.173

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Giảm các khoản đầu tư tài chính dài hạn do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	26.045.098.196	-

38. Số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh số liệu kế toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần

Trong kỳ, căn cứ vào:

- Biên bản thanh tra thuế ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kết quả thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế các năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Quyết định số 2757/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV;
- Tổng hợp Quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV; và

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty TNHH MTV sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tổng Công ty đã điều chỉnh lại số liệu tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(b) Điều chỉnh hồi tố tại các công ty con

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này, Ban Giám đốc tại các công ty con đã phát hiện một số sai sót liên quan đến việc ghi nhận hàng ủy thác nhập khẩu trong hàng tồn kho và phải trả ngắn hạn khác trong báo cáo tài chính năm trước chưa phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định sai sót là trọng yếu và cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại.

(c) Điều chỉnh hồi tố các bút toán hợp nhất

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số sai sót liên quan đến số dư đầu kỳ như sau:

- Sai sót liên quan đến việc loại trừ các khoản đầu tư vào công ty con;
- Sai sót liên quan đến việc ghi nhận phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết;
- Sai sót liên quan đến việc ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát;
- Sai sót liên quan đến việc phân loại khoản đầu tư vào công ty các liên kết sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Sai sót liên quan đến việc ghi nhận khoản chênh lệch định giá lại các khoản đầu tư tài chính trong quá trình cổ phần hóa;
- Sai sót liên quan đến việc hợp nhất số liệu của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào, một công ty con cấp 2 của Tổng Công ty; và
- Sai sót liên quan đến việc sử dụng báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên kết có kỳ kế toán khác với Tổng Công ty để hợp nhất mà không điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của công ty con và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng các sai sót này là trọng yếu và cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 8 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại.

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại nói trên được tổng hợp dưới đây:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	8/12/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh số liệu kế toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần VND	Điều chỉnh hồi tố tại các công ty con VND	Điều chỉnh hồi tố các bút toán hợp nhất VND	8/12/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Tiền	149.763.120.602	-	-	(5.353.085.585)	144.410.035.017
Các khoản tương đương tiền	823.400.000.000	-	-	(15.000.000.000)	808.400.000.000
Chứng khoán kinh doanh	24.771.312.461	-	-	(1.000.000)	24.770.312.461
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	398.200.000.000	(165.000.000.000)	-	25.000.000.000	258.200.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.641.950.435.564	-	-	21.973.934.334	1.663.924.369.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	27.805.227.272	-	-	(7.429.509.405)	20.375.717.867
Phải thu ngắn hạn khác	270.716.664.092	163.656.531.546	32.348.710.045	(42.121.506.502)	424.600.399.181
Hàng tồn kho	1.281.261.031.650	-	(112.461.061.103)	126.655.796.205	1.295.455.766.752
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.769.848.580	-	-	(489.125.973)	2.280.722.607
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.689.415.560	(249.601.164)	-	6.169.656.529	27.609.470.925
Thuế và các khoản khác phải thu	4.077.265.577	(45.000.000)	-	2.112.054.266	6.144.319.843
Tài sản cố định hữu hình	163.809.207.709	-	-	16.479.110.928	180.288.318.637
Tài sản cố định vô hình	87.707.108.045	-	-	(998.560.182)	86.708.547.863
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	87.467.127.666	170.709.971	-	1.425.919.814	89.063.757.451
Đầu tư vào công ty con	16.587.396.125	(8.200.652.748)	-	(8.386.743.377)	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.295.544.476.337	8.184.951.066	-	(639.532.217.548)	664.197.209.855
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	538.813.542.210	13.301.491.911	-	(3.520.408.664)	548.594.625.457
Chi phí trả trước dài hạn	67.396.315.075	-	-	1.616.681.893	69.012.996.968

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	8/12/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh số liệu kế toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần VND	Điều chỉnh hồi tố tại các công ty con VND	Điều chỉnh hồi tố các bút toán hợp nhất VND	8/12/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.423.986.949.212	-	-	125.411.150.920	1.549.398.100.132
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.153.050.572	-	-	(27.021.998.670)	75.131.051.902
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.618.457.360	158.934.878.670	-	3.278.321.904	168.831.657.934
Phải trả người lao động	19.010.259.669	-	-	(5.938.091.211)	13.072.168.458
Chi phí phải trả ngắn hạn	19.548.350.141	(825.665.963)	-	912.823.742	19.635.507.920
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7.259.198.472	-	-	(7.048.937.309)	210.261.163
Phải trả ngắn hạn khác	404.205.400.450	633.345.123.282	(112.461.061.103)	31.026.373.527	956.115.836.156
Vay ngắn hạn	1.184.834.777.086	-	-	13.728.872.374	1.198.563.649.460
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.192.556.939	-	9.674.399.065	(6.299.100.097)	7.567.855.907
Vốn cổ phần	449.745.834.089	1.920.254.165.911	-	-	2.370.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	108.445.585	108.445.585
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	894.128.802.838	(969.512.110.904)	-	(539.920.896.328)	(615.304.204.394)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.582.196.520	3.582.196.520
Quỹ đầu tư phát triển	587.742.361.917	(539.756.456.504)	-	84.879.994.108	132.865.899.521
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	723.817.704.455	(723.817.704.455)	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	299.592.592	299.592.592
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	831.831.108.493	(466.803.799.455)	(15.225.970.329)	(130.886.293.326)	218.915.045.383
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	183.485.169.908	-	-	(29.611.176.289)	153.873.993.619

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ
ngày 8 tháng 12 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Số liệu so sánh

Kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (giai đoạn thuộc Công ty TNHH Một thành viên) và các số liệu này có thể không so sánh được tương ứng hoàn toàn với số liệu của kỳ hiện hành là giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

08-09-2017

Người lập



Nguyễn Hồng Thúy
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt



Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

